

HỘI AN
TOURIST HOLDING COMPANY

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN
Địa chỉ : 10 Trần Hưng Đạo – Hội An
Mã chứng khoán : HOT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
QUÝ III/2020



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

TẠI NGÀY 30 THÁNG 09 NĂM 2020

ĐVT : VNĐ

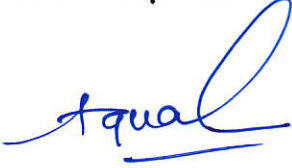
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		29 878 558 161	62 800 648 823
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		16 467 904 386	8 548 224 830
1. Tiền	111	V.01	1 467 904 386	8 548 224 830
- Tiền mặt tại quỹ (gồm cả ngân phiếu)	11A		167 508 442	407 630 194
- Tiền gửi Ngân hàng	11B		1 298 850 944	8 057 140 376
- Tiền đang chuyển	11C		1 545 000	83 454 260
2. Các khoản tương đương tiền	112		15 000 000 000	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	9 000 000 000	45 000 000 000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		9 000 000 000	45 000 000 000
- Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	12A			
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	12B		9 000 000 000	45 000 000 000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2 229 255 524	5 530 990 379
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		1 262 899 695	4 344 091 676
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		827 046 504	363 325 000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
- Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	13Z			
- Phải thu nội bộ khác	13Y			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	135	V.03	432 422 364	1 116 686 742
- Phải thu khác 138	13A		341 674 364	1 026 438 742
- Phải thu khác -141	13B		500 000	
- Phải thu khác 244	13C		90 248 000	90 248 000
- Phải trả khác 3388	13E			
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		- 293 113 039	- 293 113 039
IV. Hàng tồn kho	140		1 888 263 293	2 520 371 443
1. Hàng tồn kho	141	V.04	1 888 263 293	2 520 371 443
- Hàng mua đang đi trên đường	148			
- Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	142		393 143 960	696 963 724
- Công cụ, dụng cụ trong kho	143		985 774 405	1 165 567 817
- Chi phí SXKD dở dang	144			
- Thành phẩm tồn kho	145			
- Hàng hóa tồn kho	146		509 344 928	657 839 902
- Hàng hoá kho bảo thuế	14A			
- Hàng gửi đi bán	147			
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		293 134 958	1 201 062 171
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		293 134 958	1 201 062 171

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152			
- Thuế GTGT đầu vào	153			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05		
4. Tài sản ngắn hạn khác	158			
- Tài sản ngắn hạn khác (1381)	15A			
- Tài sản ngắn hạn khác (141)	15B			
- Tài sản ngắn hạn khác (144)	15C			
B. Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		69 193 625 640	77 760 923 726
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		9 000 000	529 000 000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	9 000 000	529 000 000
- Phải thu dài hạn khác (244)	21A		9 000 000	529 000 000
- Phải thu dài hạn khác (138..)	21B			
- Phải thu dài hạn khác (331..)	21C			
- Phải thu dài hạn khác (338..)	21D			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220	V.08	55 095 111 756	60 349 359 106
1. TSCĐ hữu hình	221		49 923 457 455	54 544 792 345
- Nguyên giá	222		196 127 025 223	198 558 372 873
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-146 203 567 768	-144 013 580 528
2. TSCĐ thuê tài chính	224	V.09		
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. TSCĐ vô hình	227	V.10	5 171 654 301	5 804 566 761
- Nguyên giá	228		8 796 184 634	8 992 804 634
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-3 624 530 333	-3 188 237 873
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11		
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12		
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		250 324 844	94 948 000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		250 324 844	94 948 000
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		10 495 279 703	10 590 481 371
1. Đầu tư vào công ty con	251		11 461 210 462	10 590 481 371
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
- Đầu tư vào công ty liên kết	25A			
- Đầu tư vào công ty liên doanh	25B			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13		
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	259		- 965 930 759	
V. Tài sản dài hạn khác	260		3 343 909 337	6 197 135 249
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	3 343 909 337	6 197 135 249

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268			
Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)	270		99 072 183 801	140 561 572 549
NGUỒN VỐN				
A. Nợ phải trả (300 = 310 + 330)	300		13 017 486 534	26 972 087 438
I. Nợ ngắn hạn	310		12 517 983 238	26 472 584 142
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15		
- Vay ngắn hạn	A31			
- Nợ dài hạn đến hạn trả	B31			
2. Phải trả người bán ngắn hạn	312		1 050 472 924	5 583 044 367
3. Người mua trả tiền trước	313		558 324 774	2 357 019 371
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.16	7 246 581 765	7 143 009 616
5. Phải trả người lao động	315		1 479 581 571	10 288 721 905
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.17	303 098 456	
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	1 153 903 089	702 668 337
- Phải trả&phải nộp khác(3388)	31A		984 328 912	702 668 337
- Phải trả&phải nộp khác(138)	31B			
- Phải trả&phải nộp khác(3382)	31C		112 393 374	
- Phải trả&phải nộp khác(33883)	31D			
- Phải trả&phải nộp khác(3383)	31E		45 565 950	
- Phải trả&phải nộp khác(3384)	31F		8 041 050	
- Phải trả&phải nộp khác(3386)	31C		3 573 803	
- Phải trả&phải nộp khác(451)	31G			
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		726 020 659	398 120 546
II. Nợ dài hạn	330		499 503 296	499 503 296
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3. Phải trả dài hạn khác	333			
- Phải trả dài hạn khác (3385)	33A			
- Phải trả dài hạn khác (344)	33B			
- Phải trả dài hạn khác (338--)	33C			
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	334	V.20		
- Vay dài hạn	33E			
- Nợ dài hạn	33D			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	499 503 296	499 503 296
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. Vốn chủ sở hữu (400 = 410 + 430)	400		86 054 697 267	113 589 485 111
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	86 054 697 267	113 589 485 111
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80 000 000 000	80 000 000 000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		- 630 000	- 630 000
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		22 388 700 778	21 915 004 518
8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
9. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-16 333 373 511	11 675 110 593
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	41A		- 923 843 638	- 444 522 947
- LNST chưa phân phối kỳ này	41B		-15 409 529 873	12 119 633 540
10. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432	V.23		
- Nguồn kinh phí sự nghiệp	43A			
- Chi sự nghiệp	43B			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)	440		99 072 183 801	140 561 572 549

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN THỊ THU QUỲNH

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ NGỌC LAN

Hội An, ngày 20 tháng 10 năm 2020



TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ TIẾN DŨNG

Mã chứng khoán: HOT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
QUÝ III/2020

ĐVT: VND

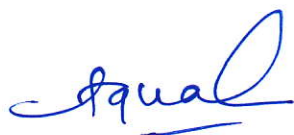
Chỉ tiêu	TM	Quý III/2020	Quý III/2019	Lũy kế (Năm nay)	Lũy kế (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.25	3 153 515 411	43 673 231 717	30 451 468 778	122 061 728 445
2. Các khoản giảm trừ					
- Chiết khấu thương mại					
- Giảm giá hàng bán					
- Hàng bán bị trả lại					
- Thuế tiêu thụ ĐB phải nộp					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)		3 153 515 411	43 673 231 717	30 451 468 778	122 061 728 445
4. Giá vốn hàng bán	VI.27	6 452 481 112	27 775 746 247	35 651 103 933	81 403 110 434
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		-3 298 965 701	15 897 485 470	-5 199 635 155	40 658 618 011
6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.26	177 603 380	303 059 700	3 150 064 842	2 483 475 619
7. Chi phí tài chính	VI.28	5 196 947	9 546 861	991 007 909	34 469 637
- Trong đó: Lãi vay phải trả		5 193 246		10 409 684	
8. Chi phí bán hàng		276 547 734	4 670 544 582	2 937 874 865	12 481 596 529
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		3 149 646 625	6 869 466 173	9 856 445 251	15 474 677 048
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD {30=20+(21-22)-(24+25)}		-6 552 753 627	4 650 987 554	-15 834 898 338	15 151 350 416
11. Thu nhập khác		11 217 089	29 476 301	746 251 601	904 831 990
12. Chi phí khác		46 358 266	253 317 393	320 883 136	2 499 202 623
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		- 35 141 177	- 223 841 092	425 368 465	-1 594 370 633
14. Tổng lợi nhuận kê toán trước thuế (50 = 30 + 40)		-6 587 894 804	4 427 146 462	-15 409 529 873	13 556 979 783
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.30		906 504 189		2 548 458 296
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	VI.30				
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)		-6 587 894 804	3 520 642 273	-15 409 529 873	11 008 521 487
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu			409		1 280

Hội An, ngày 20 tháng 10 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc





Nguyễn Thị Thu Quanh

Nguyễn Thị Ngọc Lan

Lê Tiên Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Lũy kế đến 30/09/2020	Lũy kế đến 30/09/2019
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		-15 409 529 873	13 556 979 783
2. Điều chỉnh cho các khoản			3 676 051 794	4 663 501 908
- Khấu hao tài sản cố định	02		5 563 732 454	7 298 417 008
- Các khoản dự phòng	03		965 930 759	- 407 256 907
+ Các khoản dự phòng hoàn nhập	0301			- 407 256 907
+ Các khoản dự phòng đã lập được ghi nhận	0302		965 930 759	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		1 425 082	1 035 325
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-2 865 446 185	-2 228 693 518
- Chi phí lãi vay	06		10 409 684	
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		-11 733 478 079	18 220 481 691
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2 544 831 316	546 499 357
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		632 108 150	354 580 854
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		-12 560 603 329	1 728 268 051
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		3 761 153 125	3 299 354 313
- Tiền lãi vay đã trả	13		- 10 409 684	
+ Tiền lãi vay đã trả (6354)	1301		- 10 409 684	
+ Tiền lãi vay đã trả khác	1302			
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		- 791 781 062	-3 093 515 920
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		520 000 000	3 143 911 800
+ Thu do nhận ký cược ký quỹ	1501			
+ Thu hồi các khoản ký cược	1502		520 000 000	9 000 000
+ Thu từ nguồn kinh phí sự nghiệp	1503			
+ Tiền được các tổ chức cá nhân bên ngoài thưởng, tặng quỹ DN	1504			
+ Tiền được ghi tặng quỹ do cấp trên hoặc cấp dưới nộp	1505			
+ Thu khác	1598			3 134 911 800
+ Khác	1599			
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		- 835 994 897	- 597 872 058
+ Tiền đưa đi ký cược ký quỹ	1601			
+ Tiền trả lại các khoản đã nhận ký cược	1602			
+ Tiền chi trực tiếp từ quỹ khen thưởng, phúc lợi	1603		- 555 978 558	- 597 872 058
+ Tiền chi trực tiếp từ các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1604			
+ Tiền chi trực tiếp bằng nguồn vốn KP sự nghiệp, dự án	1605			
+ Chi khác	1698		- 280 016 339	
+ Khác	1699			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		-18 474 174 460	23 601 708 088
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		- 634 475 000	- 321 040 000
+ Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	2101		- 634 475 000	- 321 040 000
+ Phải thu người bán	2102			

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Lũy kế đến 30/09/2020	Lũy kế đến 30/09/2019
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		565 721 013	838 181 818
+ Số tiền thu	2201		694 090 909	838 181 818
+ Số tiền chi	2202		- 128 369 896	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-19 000 000 000	-42 000 000 000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		55 000 000 000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
+ Thu hồi đầu tư từ phải thu khách hàng (131)	2601			
+ Khác	2602			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1 663 944 885	1 184 624 193
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		37 595 190 898	-40 298 233 989
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		3 726 453 086	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-3 726 453 086	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-11 199 911 800	-16 319 871 480
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-11 199 911 800	-16 319 871 480
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		7 921 104 638	-33 016 397 381
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		8 548 224 830	42 266 224 134
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		- 1 425 082	- 1 035 325
+ ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ - tăng	6101		- 1 425 082	- 1 035 325
+ ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ - giảm	6102			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	31	16 467 904 386	9 248 791 428

Hội An, ngày 20 tháng 10 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc





Nguyễn Thị Thu Quanh

Nguyễn Thị Ngọc Lan

Lê Tiên Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ III/2020

Mã chứng khoán: HOT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

I. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Du lịch – Dịch vụ Hội An theo Quyết định số 51/QĐ-TU ngày 16 tháng 02 năm 2006 của Tỉnh ủy Quảng Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 33030702234 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam cấp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này đã 7 lần điều chỉnh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 23/09/2014 với mã số mới là 4000102418), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty niêm yết cổ phần phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HOT. Ngày chính thức giao dịch là ngày 21/07/2011.

Công ty có 5 chi nhánh và 2 Văn phòng đại diện :

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An – Khách sạn Hội An
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An – Khu Du lịch Biển Hội An
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An – Trung tâm Lễ hành Hội An
(Chấm dứt hoạt động từ ngày 05 tháng 04 năm 2018)
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An – Xí nghiệp Giặt Hội An
(Chấm dứt hoạt động từ ngày 27 tháng 11 năm 2017)
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An – Khu DLND Tam Thanh
- Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An tại Thành phố Hồ Chí Minh
- Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An tại Hà Nội

Ngành nghề kinh doanh chính

- Khách sạn;
- Hoạt động của các cơ sở thể thao. Chi tiết: Dịch vụ vui chơi, giải trí, thể thao dưới nước, dịch vụ lặn biển;
- Điều hành tua du lịch. Chi tiết: Dịch vụ lễ hành nội địa, quốc tế;
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương. Chi tiết: Vận tải ven biển bằng ca nô;
- Vận tải hành khách bằng đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay, đại lý đổi ngoại tệ;
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao);
- Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao. Chi tiết: Dịch vụ thể dục thẩm mỹ, thể dục thể hình;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Nhà hàng, quán ăn, ăn uống;

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ III/2020

Mã chứng khoán: HOT

- Hoạt động vui chơi giải trí. Chi tiết: Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải khách du lịch, vận tải khách theo hợp đồng;
- Hoạt động viễn thông khác. Chi tiết: Dịch vụ internet;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ.

II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty. Trong báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng Báo cáo tài chính riêng này nên đọc Báo cáo tài chính riêng kết hợp với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Công ty con để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Công ty.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ III/2020

Mã chứng khoán: HOT

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc nguyên vật liệu, hàng hóa được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ III/2020

Mã chứng khoán: HOT

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 5 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ III/2020

Mã chứng khoán: HOT

Tài sản cố định vô hình Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.....

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất; được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất 50 năm, quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 - 5 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ III/2020

Mã chứng khoán: HOT

hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hoá được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ III/2020

Mã chứng khoán: HOT

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ III/2020

Mã chứng khoán: HOT

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

17. Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng: Áp dụng thuế suất 10% đối với các dịch vụ lưu trú, nhà hàng, dịch vụ lữ hành du lịch và các dịch vụ khác.
- Thuế tiêu thụ đặc biệt: Áp dụng thuế suất 30% đối với dịch vụ massage.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ III/2020

Mã chứng khoán: HOT

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	167.508.442	407.630.194
Tiền gửi ngân hàng	1.298.850.944	8.057.140.376
Tiền đang chuyển	1.545.000	83.454.260
Các khoản tương đương tiền	15.000.000.000	-
Cộng	<u>16.467.904.386</u>	<u>8.548.224.830</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 01 năm.

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng của Văn phòng Công ty	175.035.028	41.250.000
Phải thu khách hàng của Khách sạn Hội An	557.538.216	2.693.964.175
Phải thu khách hàng của Khu Du Lịch Biển	433.597.451	1.463.600.521
Phải thu khách hàng của DLND Tam Thanh	96.729.000	145.276.980
Cộng	<u>1.262.899.695</u>	<u>4.344.091.676</u>

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhà cung cấp tại Văn phòng Công ty	825.966.504	356.500.000
Nhà cung cấp tại Khách sạn Hội An	-	1.925.000
Nhà cung cấp tại Khu Du Lịch Biển	1.080.000	-
Nhà cung cấp tại DLND Tam Thanh	-	4.900.000
Cộng	<u>827.046.504</u>	<u>363.325.000</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phòng vé máy bay	-	-
Phải thu tiền BHXH	-	-
Phải thu đặt cọc thuê văn phòng	90.248.000	90.248.000
Các khoản phải thu khác	335.941.487	333.329.153
Phải thu lãi tiền gửi (lãi dự thu)	6.232.877	693.109.589
Cộng	<u>432.422.364</u>	<u>1.116.686.742</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	393.143.960	696.963.724
Công cụ, dụng cụ	985.774.405	1.165.567.817
Hàng hóa	509.344.928	657.839.902
Cộng	<u>1.888.263.293</u>	<u>2.520.371.443</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ III/2020

Mã chứng khoán: HOT

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí trả trước ngắn hạn	293.134.958	1.201.062.171

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Vườn cây lâu năm</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	147.217.145.499	34.999.368.236	9.425.943.262	6.464.820.876	451.095.000	198.558.372.873
Tăng trong kỳ	-	541.850.000	-	92.625.000	-	634.475.000
<i>Tăng do mua sắm mới</i>	-	<i>541.850.000</i>	-	<i>92.625.000</i>	-	<i>634.475.000</i>
<i>Tăng do đầu tư XDCB hoàn thành</i>	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	955.305.273	2.045.608.968	64.908.409	-	3.065.822.650
<i>Giảm do thanh lý, nhượng bán</i>	-	<i>955.305.273</i>	<i>2.045.608.968</i>	<i>64.908.409</i>	-	<i>3.065.822.650</i>
<i>Giảm do đầu tư vào công ty con</i>	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	147.217.145.499	34.585.912.963	7.380.334.294	6.492.537.467	451.095.000	196.127.025.223
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	97.394.859.762	31.686.736.152	9.212.945.930	5.425.826.934	293.211.750	144.013.580.528
Tăng do trích khấu hao	3.719.549.989	820.274.126	95.055.765	424.895.864	67.664.250	5.127.439.994
Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	897.719.013	1.978.307.081	61.426.660	-	2.937.452.754
Giảm do đầu tư vào công ty con	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	101.114.409.751	31.609.291.265	7.329.694.614	5.789.296.138	360.876.000	146.203.567.768
Giá trị còn lại						
Số đầu kỳ	49.822.285.737	3.312.632.084	212.997.332	1.038.993.942	157.883.250	54.544.792.345
Số cuối kỳ	46.102.735.748	2.976.621.698	50.639.680	703.241.329	90.219.000	49.923.457.455

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Phần mềm máy vi tính</u>	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	3.418.624.634	5.574.180.000	8.992.804.634
Tăng do đánh giá lại	-	-	-
Giảm do đầu tư vào công ty con	196.620.000	-	-
Giảm do thanh lý	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ III/2020

Mã chứng khoán: HOT

	Phần mềm máy vi tính	Quyền sử dụng đất	Cộng
Số cuối kỳ	3.222.004.634	5.574.180.000	8.796.184.634
Giá trị hao mòn			
Số đầu kỳ	2.586.347.218	601.890.655	3.188.237.873
Tăng do trích khấu hao	436.292.460	-	436.292.460
Giảm do đầu tư công ty con	-	-	-
Giảm do thanh lý	-	-	-
Số cuối kỳ	3.022.639.678	601.890.655	3.624.530.333
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	832.277.416	4.972.289.345	5.804.566.761
Số cuối kỳ	199.364.956	4.972.289.345	5.171.654.301

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí xây dựng cơ bản dở dang của các công trình:

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển trong kỳ	Kết chuyển phân bổ	Số cuối kỳ
- HM tại Khu DL Biển	-	-	-	-	-
- Dự án khác	94.948.000	3.636.364	94.948.000	-	3.636.364
- Dự án Khu Thanh Tây	-	-	-	-	-
- HM tại KS Hội An	-	246.688.480	-	-	246.688.480
Cộng	94.948.000	250.324.844	94.948.000	-	250.324.844

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí trả trước dài hạn	3.343.909.337	6.197.135.249

12. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ký quỹ tại Ngân hàng Công thương Việt Nam theo thông tư 03/2002/TT-NHNN về quản lý tiền ký quỹ của các doanh nghiệp lữ hành	-	500.000.000
Ký quỹ tại hãng Taxi Vina Sun	-	5.000.000
Đặt cọc Công ty TNHH Grabtaxi	-	5.000.000
Đặt cọc thẻ taxi Mai Linh	-	10.000.000
Công ty CP The Open House	9.000.000	9.000.000
Cộng	9.000.000	529.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ III/2020

Mã chứng khoán: HOT

13. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhà cung cấp cho Văn Phòng Công ty	663.575.890	1.430.778.887
Nhà cung cấp cho Khách sạn Hội An	331.492.533	2.753.474.138
Nhà cung cấp cho Khu du lịch Biển Hội An	19.058.900	1.338.521.642
Nhà cung cấp cho DLND Tam Thanh	36.345.601	60.269.700
Cộng	<u>1.050.472.924</u>	<u>5.583.044.367</u>

14. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng của Khách sạn Hội An	170.964.208	619.383.237
Khách hàng của Khu du lịch Biển Hội An	374.744.877	1.151.337.845
Khách hàng của Văn phòng Công ty	-	571.000.000
Khách hàng của DLND Tam Thanh	12.615.689	15.298.289
Cộng	<u>558.324.774</u>	<u>2.357.019.371</u>

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã thực nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	614.404.815	2.013.959.087	2.572.303.010	56.060.892
Thuế tiêu thụ đặc biệt	27.796.741	82.930.681	125.911.363	(15.183.941)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	791.781.062	-	791.781.062	-
Thuế thu nhập cá nhân	113.496.802	874.517.019	1.004.749.324	(16.735.503)
Tiền thuê đất	-	1.514.383.792	-	1.514.383.792
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	5.574.180.000	-	-	5.574.180.000
Thuế nhà thầu	21.350.196	357.262.995	244.736.666	133.876.525
Thuế môn bài	-	8.000.000	8.000.000	-
Cộng	<u>7.143.009.616</u>	<u>4.851.053.574</u>	<u>4.747.481.425</u>	<u>7.246.581.765</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế tiêu thụ đặc biệt

Công ty phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt cho hoạt động kinh doanh dịch vụ Spa với thuế suất 30%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty bao gồm:

Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh

Cộng

Số phát sinh

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ III/2020

Mã chứng khoán: HOT

Tiền thuê đất, thuế nhà đất

Công ty phải nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí phải trả	<u>303.098.456</u>	<u>-</u>

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	112.393.374	-
Bảo hiểm xã hội	57.180.803	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	-
Thù lao Hội đồng Quản trị	297.504.744	348.522.744
Phải trả phải nộp khác	686.824.168	354.145.593
Cộng	<u>1.153.903.089</u>	<u>702.668.337</u>

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ khen thưởng	169.582.172	(61.153.990)
Quỹ phúc lợi	556.438.487	459.274.536
Cộng	<u>726.020.659</u>	<u>398.120.546</u>

19. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	<u>Cộng</u>
Số dư tại 01/01/2019	80.000.000.000	(630.000)	19.949.467.125	19.210.850.981	119.159.688.106
Tăng trong kỳ	-	-	1.965.537.393	12.119.633.540	14.085.170.933
Giảm trong kỳ	-	-	-	19.655.373.928	19.655.373.928
Số dư tại 31/12/2019	<u>80.000.000.000</u>	<u>(630.000)</u>	<u>21.915.004.518</u>	<u>11.675.110.593</u>	<u>113.589.485.111</u>
Số dư tại 01/01/2020	80.000.000.000	(630.000)	21.915.004.518	11.675.110.593	113.589.485.111
Tăng trong kỳ	-	-	473.696.260	2.815.356.272	3.289.052.532
Giảm trong kỳ	-	-	-	30.823.840.376	30.823.840.376
Số dư tại 30/09/2020	<u>80.000.000.000</u>	<u>(630.000)</u>	<u>22.388.700.778</u>	<u>(16.333.373.511)</u>	<u>86.054.697.267</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ III/2020Mã chứng khoán: **HOT****Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	8.000.000	8.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.000.000	8.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	63	63
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	63	63
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.999.937	7.999.937
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.999.937	7.999.937
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ III/2020

Mã chứng khoán: HOT

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu**

	<u>Quý III/2020</u>	<u>Quý III/2019</u>
Tổng doanh thu	3.153.515.411	43.673.231.717
<i>Doanh thu Khách sạn Hội An</i>	1.005.515.187	22.540.214.955
<i>Doanh thu Khu Du Lịch Biển</i>	1.271.048.235	19.201.013.847
<i>Doanh thu DLND Tam Thanh</i>	755.329.237	1.894.502.915
<i>Doanh thu Văn phòng Công ty</i>	121.622.752	37.500.000
Cộng	3.153.515.411	43.673.231.717

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý III/2020</u>	<u>Quý III/2019</u>
Giá vốn Khách sạn Hội An	2.282.831.411	13.351.774.995
Giá vốn Khu Du Lịch Biển	2.843.304.928	12.310.200.321
Giá vốn DLND Tam Thanh	1.326.344.773	2.113.770.931
Cộng	6.452.481.112	27.775.746.247

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý III/2020</u>	<u>Quý III/2019</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	175.173.973	263.167.124
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	2.237.152	4.905.625
Lãi chênh lệch tỷ giá bán ngoại tệ	192.255	34.986.951
Lãi dự thu	-	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Cộng	177.603.380	303.059.716

4. Chi phí tài chính

	<u>Quý III/2020</u>	<u>Quý III/2019</u>
Chi phí lãi vay	5.193.246	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá bán ngoại tệ	3.701	9.546.861
Cộng	5.196.947	9.546.861

5. Chi phí bán hàng

	<u>Quý III/2020</u>	<u>Quý III/2019</u>
Chi phí cho nhân viên	168.876.415	746.682.817
Chi phí khấu hao TSCĐ, CCDC	-	12.319.296
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.651.550	340.670.900
Chi phí hoa hồng	73.837.317	3.546.008.905
Chi phí bằng tiền khác	1.182.452	24.862.664
Cộng	276.547.734	4.670.544.582

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ III/2020

Mã chứng khoán: HOT

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý III/2020</u>	<u>Quý III/2019</u>
Chi phí nhân viên quản lý	2.158.383.335	4.710.083.264
Chi phí đồ dùng văn phòng	39.741.696	76.054.487
Chi phí khấu hao TSCĐ	156.228.097	178.588.324
Chi phí trợ cấp mất việc	-	181.107.500
Thuế, phí và lệ phí	20.713.311	459.174.783
Chi phí dịch vụ mua ngoài	608.481.186	1.113.567.967
Chi phí bằng tiền khác	166.100.000	150.889.848
Cộng	<u><u>3.149.646.625</u></u>	<u><u>6.869.466.173</u></u>

7. Thu nhập khác

	<u>Quý III/2020</u>	<u>Quý III/2019</u>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý TSCĐ, CCDC	-	9.270.000
Xử lý công nợ		6.441.301
Thu nhập khác	11.217.089	13.765.000
Cộng	<u><u>11.217.089</u></u>	<u><u>29.476.301</u></u>

8. Chi phí khác

	<u>Quý III/2020</u>	<u>Quý III/2019</u>
Giá trị còn lại tài sản cố định, nhượng bán, thanh lý		216.923.930
Xử lý công nợ nhỏ lẻ		11.812.711
Chi phí khác	46.358.266	24.580.752
Cộng	<u><u>46.358.266</u></u>	<u><u>253.317.393</u></u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Quý III/2020</u>	<u>Quý III/2019</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(6.587.894.804)	3.520.642.273
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		(246.444.959)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.999.937	7.999.937
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u><u>-</u></u>	<u><u>409</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ III/2020

Mã chứng khoán: HOT

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Quý này</u>	<u>Quý trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	8.000.000	8.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	63	63
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.999.937	7.999.937

VII.NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1.Giao dịch với các bên liên quan****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm:các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

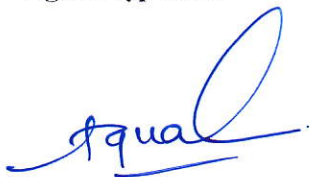
Lũy kế từ đầu năm đến cuối 30/09/2020

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tiền lương, thưởng của Ban Tổng giám đốc	1.518.470.993	1.790.061.469
Tiền thù lao, thưởng của Hội đồng quản trị	610.884.000	681.386.000
Cộng	2.129.354.993	2.471.447.469

2. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận chủ yếu là báo cáo theo hoạt động sản xuất kinh doanh của từng bộ phận và được trình bày theo chuẩn mực 28.(theo bảng phụ lục đính kèm)

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Quanh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Ngọc Lan

Lập, ngày 20 tháng 10 năm 2020

Tổng Giám đốc



Lê Tiến Dũng

BÁO CÁO LÃI LỖ BỘ PHẬN
QUÝ III NĂM 2020

Chỉ tiêu	Mã số	Tổng cộng	Văn phòng công ty	Khách sạn Hội An	Khu du lịch Biển	Khu DLND Tam Thanh
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	01	3 153 515 411	121 622 752	1 005 515 187	1 271 048 235	755 329 237
2. Các khoản giảm trừ	02					
- Chiết khấu thương mại	04					
- Giảm giá hàng bán	05					
- Hàng bán bị trả lại	06					
- Thuế tiêu thụ ĐB, thuế xuất khẩu phải nộp	07					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	3 153 515 411	121 622 752	1 005 515 187	1 271 048 235	755 329 237
4. Giá vốn hàng bán	11	6 452 481 112		2 282 831 411	2 843 304 928	1 326 344 773
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ(20 = 10 - 11)	20	-3 298 965 701	121 622 752	-1 277 316 224	-1 572 256 693	- 571 015 536
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	177 603 380	177 207 190	296 221	73 757	26 212
7. Chi phí tài chính	22	5 196 947	5 193 246	3 700	1	
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23	5 193 246	5 193 246			
8. Chi phí bán hàng	24	276 547 734		86 794 817	160 451 398	29 301 519
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	3 149 646 625	1 803 118 805	939 574 489	268 675 720	138 277 611
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30	-6 552 753 627	-1 509 482 109	-2 303 393 009	-2 001 310 055	- 738 568 454
11. Thu nhập khác	31	11 217 089		11 173 637	43 452	
12. Chi phí khác	32	46 358 266	2 957 524	24 308 993	17 832 506	1 259 243
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	- 35 141 177	- 2 957 524	- 13 135 356	- 17 789 054	- 1 259 243
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	-6 587 894 804	-1 512 439 633	-2 316 528 365	-2 019 099 109	- 739 827 697
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51					
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	-6 587 894 804	-1 512 439 633	-2 316 528 365	-2 019 099 109	- 739 827 697

Cùng kỳ năm trước

Chi tiêu	Mã số	Tổng cộng	Văn phòng công ty	Khách sạn Hội An	Khu du lịch Biển	Khu DLND Tam Thanh
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	01	43 673 231 717	37 500 000	22 540 214 955	19 201 013 847	1 894 502 915
2. Các khoản giảm trừ	02					
- Chiết khấu thương mại	04					
- Giảm giá hàng bán	05					
- Hàng bán bị trả lại	06					
- Thuế tiêu thụ ĐB, thuế xuất khẩu phải nộp	07					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	43 673 231 717	37 500 000	22 540 214 955	19 201 013 847	1 894 502 915
4. Giá vốn hàng bán	11	27 775 746 247		13 351 774 995	12 310 200 321	2 113 770 931
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20	15 897 485 470	37 500 000	9 188 439 960	6 890 813 526	- 219 268 016
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	303 059 700	267 310 060	21 092 490	14 533 280	123 870
7. Chi phí tài chính	22	9 546 861		4 882 452	4 664 409	
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23					
8. Chi phí bán hàng	24	4 670 544 582	1 057 409 273	1 952 738 797	1 610 063 518	50 332 994
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6 869 466 173	5 067 370 341	916 308 582	772 321 598	113 465 652
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30	4 650 987 554	-5 819 969 554	6 335 602 619	4 518 297 281	- 382 942 792
11. Thu nhập khác	31	29 476 301	13 765 000	7 737 168	7 972 963	1 170
12. Chi phí khác	32	253 317 393	248 868 318	1 702 947	2 746 128	
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	- 223 841 092	- 235 103 318	6 034 221	5 226 835	1 170
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	4 427 146 462	-6 055 072 872	6 341 636 840	4 523 524 116	- 382 941 622
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	906 504 189	906 504 189			
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	3 520 642 273	-6 961 577 061	6 341 636 840	4 523 524 116	- 382 941 622

